TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-ST
Ngày: 30-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ

2. Bà Dương Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-DS ngày 12/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: Số X, Ấp Y, xã TP, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Q, sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: Khu phố BH, thị trấn M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Số Z, Ấp Y, xã TPT, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà Q có mặt; bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án,

cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V do bà Võ Thị Q đại diện trình bày: Vào ngày 13/11/2020, bà Bùi Thị Thu H có vay của bà Nguyễn Thị V số tiền 25.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận không tính lãi, thời hạn vay là 02 tháng, tức là ngày 13/01/2021 hết hạn trả nợ. Việc vay tiền có lập thành văn bản là "Giấy nợ" ngày 13/11/2020, có chữ ký và viết rõ họ tên Bùi Thị Thu H và con của bà H là Lê Quỳnh N. Vì đã hết thời hạn trả nợ theo "Giấy nợ" ngày 13/11/2020 nhưng bà H chưa trả cho bà V số tiền vay nêu trên nên bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu bà H trả lại số tiền nợ vay là 25.000.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị Thu H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị V nhiều lần tổng cộng là 25.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng 2.000.000 đồng/10.000.000 đồng tiền nợ vay. Bà V yêu cầu trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng, bà đã trả được 18 ngày, tổng cộng là 18.000.000 đồng vừa gốc và lãi. Sau đó, bà không còn khả năng trả nợ thì bà V buộc bà ký "Giấy nợ" có mượn số tiền 25.000.000 đồng. Nay bà V khởi kiện yêu cầu bà trả lại số tiền nợ vay 25.000.000 đồng, bà không đồng ý vì bà đã trả được số tiền nợ gốc là 18.000.000 đồng, bà yêu cầu trừ số tiền này vào tiền gốc và điều tiết lại lãi suất theo quy định pháp luật.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hòa giải được. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Xét thấy, các bên đương sự đều thống nhất bà Bùi Thị Thu H có vay của bà Nguyễn Thị V số tiền 25.000.000 đồng, việc vay tiền có lập thành văn bản là "Giấy nợ" ngày 13/11/2020, không thỏa thuận về tiền lãi, có thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/01/2022 bà H trình bày đã có trả cho bà V số tiền 18.000.000 đồng và yêu cầu trừ số tiền này vào số tiền nợ vay. Tuy nhiên, Tòa án đã thông báo cho bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng bị đơn không cung cấp. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đều vắng mặt. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có cơ sở chấp nhận. Vì bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo "Giấy nợ" 13/11/2020 nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Bùi Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền nợ vay là 25.000.000 đồng. Bị đơn bà Bùi Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Thu H trả tiền nợ vay theo "Giấy nợ" ngày 13/11/2020. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã TPT, huyện T, tỉnh Long An theo xác nhận của Công an xã TPT, huyện T, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V yêu cầu bà Bùi Thị Thu H trả số tiền nợ vay 25.000.000 đồng, thấy rằng: Theo "Giấy nợ" đề ngày 13/11/2020 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký và ghi rõ họ tên Bùi Thị Thu H thể hiện nội dung bà Bùi Thị Thu H có mượn của bà Nguyễn Thị V số tiền 25.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 02 tháng tức là đến ngày 13/01/2021. Việc mượn tiền có sự chứng kiến của con bà H tên Lê Quỳnh N, có ký tên và ghi họ tên vào "Giấy nợ". Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H có lời trình bày tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/01/2022 thừa nhận bà có vay của bà V nhiều lần tổng cộng là 25.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng 2.000.000 đồng tính trên số tiền vay 10.000.000 đồng, tương đương 20%/tháng, mỗi ngày bà H phải trả 1.000.000 đồng gồm tiền vay và tiền lãi, bà đã trả được 18 ngày với số tiền 18.000.000 đồng vừa gốc vừa lãi và yêu cầu trừ số tiền 18.000.000 đồng vào số tiền nợ vay. Tuy nhiên, bị đơn không xác định được trong số tiền 1.000.000 đồng phải trả mỗi ngày thì có bao nhiêu tiền nợ vay và bao nhiêu tiền lãi. Đồng thời, bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả cho bà V số tiền 18.000.000 đồng và đại diện nguyên đơn cũng không thừa nhận việc này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Bùi Thị Thu H có vay của bà Nguyễn Thị V số tiền 25.000.000 đồng theo "Giấy nợ" ngày 13/11/2020. Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn theo thỏa thuận trong "Giấy nợ" ngày 13/11/2020 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà Bùi Thị Thu H có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền nợ vay là 25.000.000 đồng. Vì bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có đủ cơ sở để điều tiết lại lãi suất

theo quy định pháp luật, đồng thời nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét về tiền lãi theo yêu cầu của bị đơn.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị Thu H phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị V; bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007107 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Bùi Thị Thu H.

Buộc bà Bùi Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền nợ vay là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị Thu H phải chịu 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà V số tiền 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007107 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Thị Hoàng Dung